

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày 22 - 9 - 2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trung Nam

Bà Nguyễn Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Ái Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2022/QĐXXST-DS ngày 16/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2022/QĐST-DS ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Công ty TNHH M, Địa chỉ: Tầng 1, Tầng 2, Tòa nhà PVL L Tower, số X đường D, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đinh Quốc T, sinh năm 1979, địa chỉ: Số Y đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền X.22 ngày 01.4.2022 của Giám đốc Công ty TNHH M và số 01/UQ-SL ngày 05.5.2022 của Giám đốc Công ty Luật TNHH M). Có mặt.

**\* Bị đơn:** Ông Lê Văn C, sinh năm: 1961, địa chỉ: Số Y đường N, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V, Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường Đ, phường Y, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 31/10/2018, ông Lê Văn C có ký với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V 01 Hợp đồng tín dụng

số 20181031-0005422 vay số tiền là 39.984.500 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.42%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông C có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 80.541.256 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.239.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.176.256 đồng; bắt đầu từ ngày 02/12/2018.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V 12 lần với tổng số tiền đã trả 22.556.000 đồng, gồm 5.840.057 đồng nợ gốc và 16.715.943 đồng nợ lãi. Kể từ ngày 31/7/2020 đến nay, ông C không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Ngày 30/3/2021, khoản nợ của ông C đã được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ số V- G-21-0003.

Do ông C trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH M yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn C trả cho Công ty tổng số tiền là 57.985.256 đồng (Năm mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng); trong đó:

+ Nợ gốc: 34.144.443 đồng.

+ Nợ lãi: 23.840.813 đồng.

\* **Bị đơn ông Lê Văn C** vắng mặt suốt quá trình tố tụng vụ án nên không có bản tự khai.

\* **Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V trình bày:**

Ngày 31/10/2018, ông Lê Văn C có ký Hợp đồng tín dụng số 20181031-0005422 với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V để vay số tiền là 39.984.500 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.42%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông C có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 80.541.256 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.239.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.176.256 đồng; bắt đầu từ ngày 02/12/2018. Thực hiện hợp đồng ông C đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán được 12 lần với tổng số tiền 22.556.000 đồng; kể từ ngày 31/7/2020 đến nay, ông C không thanh toán thêm bất cứ khoản nào.

Ngày 30/3/2021, khoản nợ của ông C đã được chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ số V- G-21-0003 nên Công ty TNHH M là chủ sở hữu và có quyền khởi kiện, Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V không có ý kiến nào khác.

\* **Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với ông Lê Văn C về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Buộc ông Lê Văn C thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền là 57.985.256 đồng; trong đó: Nợ gốc 34.144.443 đồng và nợ lãi 23.840.813 đồng.

Ông C được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn Công ty TNHH M đối với bị đơn ông Lê Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V xin vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự này.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M thì thấy:

Ông Lê Văn C có ký với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V, nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20181031-0005422 ngày 31/10/2018 vay số tiền là 39.984.500 đồng, thời hạn vay: Từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 08/11/2021 lãi suất thỏa thuận 4.42%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ông C có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 80.541.256 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.239.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.176.256 đồng; bắt đầu từ ngày 02/12/2018. Ông C đã nhận đủ số tiền 39.984.500 đồng.

Như vậy, Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20181031-0005422 ngày 31/10/2018 được ký kết giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V và ông Lê Văn C thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V 12 lần với tổng số tiền đã trả 22.556.000 đồng, gồm 5.840.057 đồng nợ gốc và 16.715.943 đồng nợ lãi. Kể từ ngày 31/7/2020 đến nay, ông C không thanh toán thêm bất cứ khoản nào mặc dù đã được Công ty nhắc nhở, làm việc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay.

Ngày 30/3/2021, khoản nợ của ông C đã được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ số V- G-21-0003 nên Công ty TNHH M là chủ sở hữu và có quyền khởi kiện, Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V không có ý kiến nào khác.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc buộc ông C phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 57.985.256 đồng, trong đó: Nợ gốc 34.144.443 đồng và nợ lãi 23.840.813 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 98 Luật tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH M được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông C được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Công ty TNHH M đối với ông Lê Văn C.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Buộc ông Lê Văn C phải thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền 57.985.256 đồng (Năm mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng); trong đó:

+ Nợ gốc: 34.144.443 đồng.

+ Nợ lãi: 23.840.813 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm là 2.899.000 đồng (Hai triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng) ông Lê Văn C được miễn do là người cao tuổi.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.450.000 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) cho Công ty TNHH M đã nộp theo biên lai thu số theo biên lai thu số 0002838 ngày 29/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22/9/2022; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Diệp**